

Biểu số:
5101.H/DL-SVHTTDL

Ban hành theo Thông tư số
16/2022/TT-BVHTTDL ngày
22 tháng 12 năm 2022

Ngày nhận báo cáo:
- Ngày 24 tháng sau quý báo
cáo
- Ngày 24 tháng 02 năm sau

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH
DOANH DỊCH VỤ LƯU TRÚ DU
LỊCH**

Quý ...
Năm ...

Đơn vị báo cáo:
Sở VHTTDL; Sở DL

Đơn vị nhận báo cáo:
Tổng cục Du lịch

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mã số	Số thực hiện kỳ báo cáo	So với cùng kỳ năm trước (%)
A	B	C	1	2
1. Tổng số cơ sở lưu trú du lịch	Cơ sở	01		
Khách sạn 5 sao	Cơ sở	02		
Khách sạn 4 sao	Cơ sở	03		
Khách sạn 3 sao	Cơ sở	04		
Khách sạn 2 sao	Cơ sở	05		
Khách sạn 1 sao	Cơ sở	06		
Khách sạn đủ điều kiện kinh doanh	Cơ sở	07		
Khách sạn chưa kiểm tra điều kiện hoặc chưa đủ điều kiện kinh doanh	Cơ sở	08		
Căn hộ du lịch 5 sao	Cơ sở	09		
Căn hộ du lịch 4 sao	Cơ sở	10		
Căn hộ du lịch 3 sao	Cơ sở	11		
Căn hộ du lịch 2 sao	Cơ sở	12		
Căn hộ du lịch 1 sao	Cơ sở	13		
Căn hộ du lịch đủ điều kiện kinh doanh	Cơ sở	14		

Căn hộ du lịch chưa kiểm tra điều kiện hoặc chưa đủ điều kiện kinh doanh	Cơ sở	15		
Biệt thự du lịch 5 sao	Cơ sở	16		
Biệt thự du lịch 4 sao	Cơ sở	17		
Biệt thự du lịch 3 sao	Cơ sở	18		
Biệt thự du lịch 2 sao	Cơ sở	19		
Biệt thự du lịch 1 sao	Cơ sở	20		
Biệt thự du lịch đủ điều kiện kinh doanh	Cơ sở	21		
Biệt thự du lịch chưa kiểm tra điều kiện hoặc chưa đủ điều kiện kinh doanh	Cơ sở	22		
Tàu thủy lưu trú du lịch 5 sao	Cơ sở	23		
Tàu thủy lưu trú du lịch 4 sao	Cơ sở	24		
Tàu thủy lưu trú du lịch 3 sao	Cơ sở	25		
Tàu thủy lưu trú du lịch 2 sao	Cơ sở	26		
Tàu thủy lưu trú du lịch 1 sao	Cơ sở	27		
Tàu thủy lưu trú du lịch đủ điều kiện kinh doanh	Cơ sở	28		
Tàu thủy lưu trú du lịch chưa kiểm tra điều kiện hoặc chưa đủ điều kiện kinh doanh	Cơ sở	29		
Nhà nghỉ du lịch đủ điều kiện kinh doanh	Cơ sở	30		
Nhà nghỉ du lịch chưa kiểm tra điều kiện hoặc chưa đủ điều kiện kinh doanh	Cơ sở	31		
Nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê đủ điều kiện kinh doanh	Cơ sở	32		
Nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê chưa kiểm tra điều kiện hoặc chưa đủ điều kiện kinh doanh	Cơ sở	33		
Bãi cắm trại du lịch đủ điều kiện kinh doanh	Cơ sở	34		
Bãi cắm trại du lịch chưa kiểm tra điều kiện hoặc chưa đủ điều kiện kinh doanh	Cơ sở	35		
Khác	Cơ sở	36		
2. Tổng số buồng lưu trú du lịch	Buồng	37		

Khách sạn 5 sao	Buồng	38		
Khách sạn 4 sao	Buồng	39		
Khách sạn 3 sao	Buồng	40		
Khách sạn 2 sao	Buồng	41		
Khách sạn 1 sao	Buồng	42		
Khách sạn đủ điều kiện kinh doanh	Buồng	43		
Khách sạn chưa kiểm tra điều kiện hoặc chưa đủ điều kiện kinh doanh	Buồng	44		
Căn hộ du lịch 5 sao	Buồng	45		
Căn hộ du lịch 4 sao	Buồng	46		
Căn hộ du lịch 3 sao	Buồng	47		
Căn hộ du lịch 2 sao	Buồng	48		
Căn hộ du lịch 1 sao	Buồng	49		
Căn hộ du lịch đủ điều kiện kinh doanh	Buồng	50		
Căn hộ du lịch chưa kiểm tra điều kiện hoặc chưa đủ điều kiện kinh doanh	Buồng	51		
Biệt thự du lịch 5 sao	Buồng	52		
Biệt thự du lịch 4 sao	Buồng	53		
Biệt thự du lịch 3 sao	Buồng	54		
Biệt thự du lịch 2 sao	Buồng	55		
Biệt thự du lịch 1 sao	Buồng	56		
Biệt thự du lịch đủ điều kiện kinh doanh	Buồng	57		
Biệt thự du lịch chưa kiểm tra điều kiện hoặc chưa đủ điều kiện kinh doanh	Buồng	58		
Tàu thủy lưu trú du lịch 5 sao	Cabin	59		
Tàu thủy lưu trú du lịch 4 sao	Cabin	60		
Tàu thủy lưu trú du lịch 3 sao	Cabin	61		
Tàu thủy lưu trú du lịch 2 sao	Cabin	62		
Tàu thủy lưu trú du lịch 1 sao	Cabin	63		
Tàu thủy lưu trú du lịch đủ điều kiện kinh doanh	Cabin	64		

Tàu thủy lưu trú du lịch chưa kiểm tra điều kiện hoặc chưa đủ điều kiện kinh doanh	Cabin	65		
Nhà nghỉ du lịch đủ điều kiện kinh doanh	Buồng	66		
Nhà nghỉ du lịch chưa kiểm tra điều kiện hoặc chưa đủ điều kiện kinh doanh	Buồng	67		
Nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê đủ điều kiện kinh doanh	Buồng	68		
Nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê chưa kiểm tra điều kiện hoặc chưa đủ điều kiện kinh doanh	Buồng	69		
Bãi cắm trại du lịch đủ điều kiện kinh doanh	Lều	70		
Bãi cắm trại du lịch chưa kiểm tra điều kiện hoặc chưa đủ điều kiện kinh doanh	Lều	71		
Khác	Buồng	72		
3. Tổng số đêm phòng lưu trú sẵn có	Đêm phòng	73		
5 sao	Đêm phòng	74		
4 sao	Đêm phòng	75		
3 sao	Đêm phòng	76		
2 sao	Đêm phòng	77		
1 sao	Đêm phòng	78		
Khác	Đêm phòng	79		
4. Tổng số đêm phòng lưu trú đã bán	Đêm phòng	80		
5 sao	Đêm phòng	81		
4 sao	Đêm phòng	82		
3 sao	Đêm phòng	83		
2 sao	Đêm phòng	84		
1 sao	Đêm phòng	85		
Khác	Đêm phòng	86		
5. Tổng số lượt khách nghỉ qua đêm	Lượt	87		
Khách quốc tế	Lượt	88		
Khách nội địa	Lượt	89		

6. Công suất sử dụng phòng các cơ sở lưu trú du lịch	%	90		
5 sao	%	91		
4 sao	%	92		
3 sao	%	93		
2 sao	%	94		
1 sao	%	95		
Khác	%	96		
7. Tổng doanh thu các cơ sở lưu trú du lịch	Triệu đồng	97		
Khách sạn, căn hộ du lịch, biệt thự du lịch 5 sao	Triệu đồng	98		
Tàu thủy lưu trú du lịch 5 sao	Triệu đồng	99		
Khách sạn, căn hộ du lịch, biệt thự du lịch 4 sao	Triệu đồng	100		
Tàu thủy lưu trú du lịch 4 sao	Triệu đồng	101		
Khách sạn, căn hộ du lịch, biệt thự du lịch 3 sao	Triệu đồng	102		
Tàu thủy lưu trú du lịch 3 sao	Triệu đồng	103		
Khách sạn, căn hộ du lịch, biệt thự du lịch 2 sao	Triệu đồng	104		
Tàu thủy lưu trú du lịch 2 sao	Triệu đồng	105		
Khách sạn, căn hộ du lịch, biệt thự du lịch 1 sao	Triệu đồng	106		
Tàu thủy lưu trú du lịch 1 sao	Triệu đồng	107		
Khách sạn, căn hộ du lịch, biệt thự du lịch, tàu thủy lưu trú du lịch đủ điều kiện kinh doanh	Triệu đồng	108		
Khách sạn, căn hộ du lịch, biệt thự du lịch, tàu thủy lưu trú du lịch chưa kiểm tra điều kiện hoặc chưa đủ điều kiện kinh doanh	Triệu đồng	109		
Nhà nghỉ du lịch và nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê đủ điều kiện kinh doanh	Triệu đồng	110		

Nhà nghỉ du lịch và nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê chưa kiểm tra điều kiện hoặc chưa đủ điều kiện kinh doanh	Triệu đồng	111		
Bãi cắm trại du lịch đủ điều kiện kinh doanh	Triệu đồng	112		
Bãi cắm trại du lịch chưa kiểm tra điều kiện hoặc chưa đủ điều kiện kinh doanh	Triệu đồng	113		
Khác	Triệu đồng	114		
8. Tổng số lao động tại các cơ sở lưu trú du lịch	Người	115		
Khách sạn, căn hộ du lịch, biệt thự du lịch 5 sao	Người	116		
Tàu thủy lưu trú du lịch 5 sao	Người	117		
Khách sạn, căn hộ du lịch, biệt thự du lịch 4 sao	Người	118		
Tàu thủy lưu trú du lịch 4 sao	Người	119		
Khách sạn, căn hộ du lịch, biệt thự du lịch 3 sao	Người	120		
Tàu thủy lưu trú du lịch 3 sao	Người	121		
Khách sạn, căn hộ du lịch, biệt thự du lịch 2 sao	Người	122		
Tàu thủy lưu trú du lịch 2 sao	Người	123		
Khách sạn, căn hộ du lịch, biệt thự du lịch 1 sao	Người	124		
Tàu thủy lưu trú du lịch 1 sao	Người	125		
Khách sạn, căn hộ du lịch, biệt thự du lịch, tàu thủy lưu trú du lịch đủ điều kiện kinh doanh	Người	126		
Khách sạn, căn hộ du lịch, biệt thự du lịch, tàu thủy lưu trú du lịch chưa kiểm tra điều kiện hoặc chưa đủ điều kiện kinh doanh	Người	127		
Nhà nghỉ du lịch và nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê đủ điều kiện kinh doanh	Người	128		

Nhà nghỉ du lịch và nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê chưa kiểm tra điều kiện hoặc chưa đủ điều kiện kinh doanh	Người	129		
Bãi cắm trại du lịch đủ điều kiện kinh doanh	Người	130		
Bãi cắm trại du lịch chưa kiểm tra điều kiện hoặc chưa đủ điều kiện kinh doanh	Người	131		
Khác	Người	132		

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Người kiểm tra biểu
(Ký, họ tên)

Ngày ... tháng ... năm.....
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, họ tên)

HƯỚNG DẪN, GIẢI THÍCH CÁCH GHI BIỂU MẪU BÁO CÁO THỐNG KÊ
(Kèm theo Thông tư số: 16/2022/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

Biểu số 5101.H/DL-SVHTTDL: Kết quả kinh doanh dịch vụ lưu trú du lịch

1. Khái niệm, phương pháp tính

Cơ sở lưu trú du lịch là nơi cung cấp dịch vụ phục vụ nhu cầu lưu trú của khách du lịch. Cơ sở lưu trú du lịch gồm các loại hình: khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, tàu thủy lưu trú du lịch, nhà nghỉ du lịch, nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê, bãi cắm trại du lịch và các cơ sở lưu trú du lịch khác.

Chỉ tiêu 1: Tổng số cơ sở lưu trú du lịch.

- Tổng số cơ sở lưu trú du lịch (mã số 01): Là tổng số cơ sở lưu trú du lịch trên địa bàn tỉnh/thành phố.

- Khách sạn 5 sao (mã số 02): Là tổng số khách sạn đã được công nhận hạng 5 sao và quyết định công nhận còn hiệu lực trên địa bàn tỉnh/thành phố.

- Khách sạn 4 sao (mã số 03): Là tổng số khách sạn đã được công nhận hạng 4 sao và quyết định công nhận còn hiệu lực trên địa bàn tỉnh/thành phố.

- Khách sạn 3 sao (mã số 04): Là tổng số khách sạn đã được công nhận hạng 3 sao và quyết định công nhận còn hiệu lực trên địa bàn tỉnh/thành phố.
- Khách sạn 2 sao (mã số 05): Là tổng số khách sạn đã được công nhận hạng 2 sao và quyết định công nhận còn hiệu lực trên địa bàn tỉnh/thành phố.
- Khách sạn 1 sao (mã số 06): Là tổng số khách sạn đã được công nhận hạng 1 sao và quyết định công nhận còn hiệu lực trên địa bàn tỉnh/thành phố.
- Khách sạn đủ điều kiện kinh doanh (mã số 07): Là tổng số khách sạn đã được kiểm tra đủ điều kiện kinh doanh khách sạn trên địa bàn tỉnh/thành phố.
- Khách sạn chưa kiểm tra điều kiện hoặc chưa đủ điều kiện kinh doanh (mã số 08): Là tổng số khách sạn chưa được kiểm tra hoặc chưa đủ điều kiện kinh doanh khách sạn trên địa bàn tỉnh/thành phố.
- Căn hộ du lịch 5 sao (mã số 09): Là tổng số căn hộ du lịch đã được công nhận hạng 5 sao và quyết định công nhận còn hiệu lực trên địa bàn tỉnh/thành phố.
- Căn hộ du lịch 4 sao (mã số 10): Là tổng số căn hộ du lịch đã được công nhận hạng 4 sao và quyết định công nhận còn hiệu lực trên địa bàn tỉnh/thành phố.
- Căn hộ du lịch 3 sao (mã số 11): Là tổng số căn hộ du lịch đã được công nhận hạng 3 sao và quyết định công nhận còn hiệu lực trên địa bàn tỉnh/thành phố.
- Căn hộ du lịch 2 sao (mã số 12): Là tổng số căn hộ du lịch đã được công nhận hạng 2 sao và quyết định công nhận còn hiệu lực trên địa bàn tỉnh/thành phố.
- Căn hộ du lịch 1 sao (mã số 13): Là tổng số căn hộ du lịch đã được công nhận hạng 1 sao và quyết định công nhận còn hiệu lực trên địa bàn tỉnh/thành phố.
- Căn hộ du lịch đủ điều kiện kinh doanh (mã số 14): Là tổng số căn hộ du lịch đã được kiểm tra đủ điều kiện kinh doanh căn hộ du lịch trên địa bàn tỉnh/thành phố.
- Căn hộ du lịch chưa kiểm tra điều kiện hoặc chưa đủ điều kiện kinh doanh (mã số 15): Là tổng số căn hộ du lịch chưa được kiểm tra hoặc chưa đủ điều kiện kinh doanh căn hộ du lịch trên địa bàn tỉnh/thành phố.
- Biệt thự du lịch 5 sao (mã số 16): Là tổng số biệt thự du lịch đã được công nhận hạng 5 sao và quyết định công nhận còn hiệu lực trên địa bàn tỉnh/thành phố.
- Biệt thự du lịch 4 sao (mã số 17): Là tổng số biệt thự du lịch đã được công nhận hạng 4 sao và quyết định công nhận còn hiệu lực trên địa bàn tỉnh/thành phố.

- Biệt thự du lịch 3 sao (mã số 18): Là tổng số biệt thự du lịch đã được công nhận hạng 3 sao và quyết định công nhận còn hiệu lực trên địa bàn tỉnh/thành phố.
- Biệt thự du lịch 2 sao (mã số 19): Là tổng số biệt thự du lịch đã được công nhận hạng 2 sao và quyết định công nhận còn hiệu lực trên địa bàn tỉnh/thành phố.
- Biệt thự du lịch 1 sao (mã số 20): Là tổng số biệt thự du lịch đã được công nhận hạng 1 sao và quyết định công nhận còn hiệu lực trên địa bàn tỉnh/thành phố.
- Biệt thự du lịch đủ điều kiện kinh doanh (mã số 21): Là tổng số biệt thự du lịch đã được kiểm tra đủ điều kiện kinh doanh biệt thự du lịch trên địa bàn tỉnh/thành phố.
- Biệt thự du lịch chưa kiểm tra điều kiện hoặc chưa đủ điều kiện kinh doanh (mã số 22): Là tổng số biệt thự du lịch chưa được kiểm tra hoặc chưa đủ điều kiện kinh doanh biệt thự du lịch trên địa bàn tỉnh/thành phố.
- Tàu thủy lưu trú du lịch 5 sao (mã số 23): Là tổng số tàu thủy lưu trú du lịch đã được công nhận hạng 5 sao và quyết định công nhận còn hiệu lực trên địa bàn tỉnh/thành phố.
- Tàu thủy lưu trú du lịch 4 sao (mã số 24): Là tổng số tàu thủy lưu trú du lịch đã được công nhận hạng 4 sao và quyết định công nhận còn hiệu lực trên địa bàn tỉnh/thành phố.
- Tàu thủy lưu trú du lịch 3 sao (mã số 25): Là tổng số tàu thủy lưu trú du lịch đã được công nhận hạng 3 sao và quyết định công nhận còn hiệu lực trên địa bàn tỉnh/thành phố.
- Tàu thủy lưu trú du lịch 2 sao (mã số 26): Là tổng số tàu thủy lưu trú du lịch đã được công nhận hạng 2 sao và quyết định công nhận còn hiệu lực trên địa bàn tỉnh/thành phố.
- Tàu thủy lưu trú du lịch 1 sao (mã số 27): Là tổng số tàu thủy lưu trú du lịch đã được công nhận hạng 1 sao và quyết định công nhận còn hiệu lực trên địa bàn tỉnh/thành phố.
- Tàu thủy lưu trú du lịch đủ điều kiện kinh doanh (mã số 28): Là tổng số tàu thủy lưu trú du lịch đã được kiểm tra đủ điều kiện kinh doanh tàu thủy lưu trú du lịch trên địa bàn tỉnh/thành phố.
- Tàu thủy lưu trú du lịch chưa kiểm tra điều kiện hoặc chưa đủ điều kiện kinh doanh (mã số 29): Là tổng số tàu thủy lưu trú du lịch chưa được kiểm tra hoặc chưa đủ điều kiện kinh doanh tàu thủy lưu trú du lịch trên địa bàn tỉnh/thành phố.
- Nhà nghỉ du lịch đủ điều kiện kinh doanh (mã số 30): Là tổng số nhà nghỉ du lịch đã được kiểm tra đủ điều kiện kinh doanh nhà nghỉ du lịch.
- Nhà nghỉ du lịch chưa kiểm tra điều kiện hoặc chưa đủ điều kiện kinh doanh (mã số 31): Là tổng số nhà nghỉ du lịch chưa được kiểm tra hoặc chưa đủ điều kiện kinh doanh nhà nghỉ du lịch trên địa bàn tỉnh/thành phố.

- Nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê đủ điều kiện kinh doanh (mã số 32): Là tổng số nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê đã được kiểm tra đủ điều kiện kinh doanh nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê trên địa bàn tỉnh/thành phố.
- Nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê chưa kiểm tra điều kiện hoặc chưa đủ điều kiện kinh doanh (mã số 33): Là tổng số nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê chưa được kiểm tra hoặc chưa đủ điều kiện kinh doanh nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê trên địa bàn tỉnh/thành phố.
- Bãi cắm trại du lịch đủ điều kiện kinh doanh (mã số 34): Là tổng số bãi c trại du lịch đã được kiểm tra đủ điều kiện kinh doanh bãi cắm trại du lịch trên địa bàn tỉnh/thành phố.
- Bãi cắm trại du lịch chưa kiểm tra điều kiện hoặc chưa đủ điều kiện kinh doanh (mã số 35): Là tổng số bãi cắm trại du lịch chưa được kiểm tra hoặc chưa đủ điều kiện kinh doanh bãi cắm trại du lịch trên địa bàn tỉnh/thành phố.
- Khác (mã số 36): Là tổng số cơ sở lưu trú du lịch khác không thuộc nhóm mã số từ 02 đến 35, cơ sở lưu trú du lịch chưa kiểm tra điều kiện và chưa xếp vào được loại nào trên địa bàn tỉnh/thành phố.

Chỉ tiêu 2: Tổng số buồng lưu trú du lịch.

- Tổng số buồng lưu trú du lịch (mã số 37): Là tổng số buồng lưu trú du lịch trên địa bàn tỉnh/thành phố. Trong một buồng có thể có phòng ngủ, phòng khách, phòng vệ sinh... đang sẵn có để bán.

*Các chỉ tiêu có mã số từ 38 đến 72 là tổng số buồng lưu trú du lịch trên địa bàn tỉnh/thành phố phân theo loại, hạng cơ sở lưu trú du lịch như giải thích tại mã số 02 đến mã số 36.

Chỉ tiêu 3: Tổng số đêm phòng lưu trú sẵn có.

- Tổng số đêm phòng lưu trú sẵn có (mã số 73): Là tổng số đêm lưu trú của các phòng sẵn có để bán trên địa bàn tỉnh/thành phố trong kỳ báo cáo. Số đêm của một phòng lưu trú sẵn có trong 01 tháng được tính bằng số khách trung bình có thể phục vụ trong một đêm (hoặc số giường) của phòng đó nhân với số ngày của tháng (29, 30 hoặc 31 ngày).
- 5 sao (mã số 74): Là tổng số đêm phòng lưu trú sẵn có để bán của các khách sạn, căn hộ du lịch, biệt thự du lịch, tàu thủy lưu trú du lịch đã được công nhận hạng 5 sao và quyết định công nhận còn hiệu lực trên địa bàn tỉnh/thành phố.
- 4 sao (mã số 75): Là tổng số đêm phòng lưu trú sẵn có để bán của các khách sạn, căn hộ du lịch, biệt thự du lịch, tàu thủy lưu trú du lịch đã được công nhận hạng 4 sao và quyết định công nhận còn hiệu lực trên địa bàn tỉnh/thành phố.

- 3 sao (mã số 76): Là tổng số đêm phòng lưu trú sẵn có để bán của các khách sạn, căn hộ du lịch, biệt thự du lịch, tàu thủy lưu trú du lịch đã được công nhận hạng 3 sao và quyết định công nhận còn hiệu lực trên địa bàn tỉnh/thành phố.

- 2 sao (mã số 77): Là tổng số đêm phòng lưu trú sẵn có để bán của các khách sạn, căn hộ du lịch, biệt thự du lịch, tàu thủy lưu trú du lịch đã được công nhận hạng 2 sao và quyết định công nhận còn hiệu lực trên địa bàn tỉnh/thành phố.

- 1 sao (mã số 78): Là tổng số đêm phòng lưu trú sẵn có để bán của các khách sạn, căn hộ du lịch, biệt thự du lịch, tàu thủy lưu trú du lịch đã được công nhận hạng 1 sao và quyết định công nhận còn hiệu lực trên địa bàn tỉnh/thành phố.

- Khác (mã số 79): Là tổng số đêm phòng lưu trú sẵn có để bán của tất cả các cơ sở lưu trú du lịch không thuộc nhóm mã số từ 74 đến 78 trên địa bàn tỉnh/thành phố.

Chỉ tiêu 4: Tổng số đêm phòng lưu trú đã bán.

- Tổng số đêm phòng lưu trú đã bán (mã số 80): Là tổng số đêm lưu trú của tất cả các phòng đã sử dụng cho khách thuê trên địa bàn trong kỳ báo cáo.

*Các chỉ tiêu có mã số từ 81 đến 86 là tổng số đêm phòng lưu trú đã bán trên địa bàn tỉnh/thành phố phân theo hạng cơ sở lưu trú du lịch như giải thích tại mã số 74 đến mã số 79.

Chỉ tiêu 5: Tổng số lượt khách nghỉ qua đêm.

- Tổng số lượt khách nghỉ qua đêm (mã số 87): Là tổng số lượt khách có nghỉ qua đêm trong kỳ báo cáo do các cơ sở lưu trú du lịch trên địa bàn tỉnh/thành phố phục vụ tính từ khi đón khách, bắt đầu vào sử dụng dịch vụ cho đến khi trả phòng. Trong đó, chia theo nhóm khách:

- Khách quốc tế (mã số 88): Là tổng số lượt khách là người nước ngoài, người Việt Nam định ở nước ngoài do các cơ sở lưu trú du lịch trên địa bàn tỉnh/thành phố phục vụ.

- Khách nội địa (mã số 89): Là tổng số lượt khách là công dân Việt Nam, người nước ngoài cư trú ở Việt Nam do các cơ sở lưu trú du lịch trên địa bàn tỉnh/thành phố phục vụ.

- Tổng số lượt khách nghỉ qua đêm (mã số 87) = Khách quốc tế (mã số 88) + Khách nội địa (mã số 89).

*Không được tính là lượt khách đối với các trường hợp sau:

+ Khách đến thuê phòng theo giờ có trả tiền thì không tính lượt khách.

+ Khách không thuê phòng, chỉ thuê các dịch vụ hỗ trợ như phòng hội thảo, ăn uống... thì không tính lượt khách.

*Được tính là một lượt khách với các trường hợp sau:

+ Nếu một khách đến thuê sử dụng nhiều phòng, nhiều dịch vụ cùng lúc thì chỉ được tính là một lượt khách.

+ Nếu một người khách đến thuê phòng dịch vụ nhiều lần tại các thời điểm khác nhau thì mỗi lần khách đến được xác định là một lượt khách.

+ Nếu khách đến đăng ký thuê phòng qua đêm (đã thanh toán tiền phòng) nhưng vì một lý do nào đó không nghỉ đêm tại cơ sở thì người khách này vẫn được tính là khách có nghỉ qua đêm.

* Đối với trường hợp thời gian lưu trú của khách kéo dài qua kỳ báo cáo:

Chỉ tính 1 lượt khách tại thời điểm khách đến nhận phòng sử dụng dịch vụ.

Ví dụ: Khách lưu trú từ ngày 28 tháng trước đến ngày 03 tháng sau, thì về lượt khách, chỉ tính cho tháng trước là thời điểm khách đến, tháng sau không tính lượt khách đối với khách này.

*Trường hợp giới thiệu, chuyển giao khách: Khách nghỉ tại cơ sở nào thì cơ sở đó báo cáo lượt khách phục vụ.

Chỉ tiêu 6: Công suất sử dụng phòng các cơ sở lưu trú du lịch.

- Công suất sử dụng phòng các cơ sở lưu trú du lịch (mã số 90): Là tỷ lệ phần trăm giữa tổng số đêm phòng lưu trú đã bán và tổng số đêm phòng lưu trú sẵn có trong kỳ báo cáo của tất cả các cơ sở lưu trú du lịch trên địa bàn tỉnh/thành phố.

Công suất sử dụng phòng = Tổng số đêm phòng lưu trú đã bán trong kỳ báo cáo x 100%

Tổng số đêm phòng lưu trú sẵn có trong kỳ báo cáo.

- 5 sao (mã số 91): Là công suất sử dụng phòng của các khách sạn, căn hộ du lịch, biệt thự du lịch, tàu thủy lưu trú du lịch đã được công nhận hạng 5 sao và quyết định công nhận còn hiệu lực trên địa bàn tỉnh/thành phố.

- 4 sao (mã số 92): Là công suất sử dụng phòng của các khách sạn, căn hộ du lịch, biệt thự du lịch, tàu thủy lưu trú du lịch đã được công nhận hạng 4 sao và quyết định công nhận còn hiệu lực trên địa bàn tỉnh/thành phố.

- 3 sao (mã số 93): Là công suất sử dụng phòng của các khách sạn, căn hộ du lịch, biệt thự du lịch, tàu thủy lưu trú du lịch đã được công nhận hạng 3 sao và quyết định công nhận còn hiệu lực trên địa bàn tỉnh/thành phố.

- 2 sao (mã số 94): Là công suất sử dụng phòng của các khách sạn, căn hộ du lịch, biệt thự du lịch, tàu thủy lưu trú du lịch đã được công nhận hạng 2 sao và quyết định công nhận còn hiệu lực trên địa bàn tỉnh/thành phố.
- 1 sao (mã số 95): Là công suất sử dụng phòng của các khách sạn, căn hộ du lịch, biệt thự du lịch, tàu thủy lưu trú du lịch đã được công nhận hạng 1 sao và quyết định công nhận còn hiệu lực trên địa bàn tỉnh/thành phố.
- Khác (mã số 96): Là công suất sử dụng phòng của tất cả các cơ sở lưu trú du lịch không xếp hạng hoặc quyết định công nhận hạng đã hết hiệu lực trên địa bàn tỉnh/thành phố.

Chỉ tiêu 7: Tổng doanh thu các cơ sở lưu trú du lịch

- Tổng doanh thu các cơ sở lưu trú du lịch (mã số 97): Là tổng số tiền thu được của các cơ sở lưu trú du lịch trên địa bàn tỉnh/thành phố trong kỳ báo cáo phát sinh từ các hoạt động kinh doanh của cơ sở lưu trú du lịch.
- Khách sạn, căn hộ du lịch, biệt thự du lịch 5 sao (mã số 98) là tổng doanh thu phát sinh từ các hoạt động kinh doanh của các khách sạn, căn hộ du lịch, biệt thự du lịch 5 sao trên địa bàn tỉnh/thành phố trong kỳ báo cáo.
- Tàu thủy lưu trú du lịch 5 sao (mã số 99) là tổng doanh thu phát sinh từ các hoạt động kinh doanh của các tàu thủy lưu trú du lịch 5 sao trên địa bàn tỉnh/thành phố trong kỳ báo cáo.
- Khách sạn, căn hộ du lịch, biệt thự du lịch 4 sao (mã số 100) là tổng doanh thu phát sinh từ các hoạt động kinh doanh của các khách sạn, căn hộ du lịch, biệt thự du lịch 4 sao trên địa bàn tỉnh/thành phố trong kỳ báo cáo.
- Tàu thủy lưu trú du lịch 4 sao (mã số 101) là tổng doanh thu phát sinh từ các hoạt động kinh doanh của các tàu thủy lưu trú du lịch 4 sao trên địa bàn tỉnh/thành phố trong kỳ báo cáo.
- Khách sạn, căn hộ du lịch, biệt thự du lịch 3 sao (mã số 102) là tổng doanh thu phát sinh từ các hoạt động kinh doanh của các khách sạn, căn hộ du lịch, biệt thự du lịch 3 sao trên địa bàn tỉnh/thành phố trong kỳ báo cáo.
- Tàu thủy lưu trú du lịch 3 sao (mã số 103) là tổng doanh thu phát sinh từ các hoạt động kinh doanh của các tàu thủy lưu trú du lịch 3 sao trên địa bàn tỉnh/thành phố trong kỳ báo cáo.
- Khách sạn, căn hộ du lịch, biệt thự du lịch 2 sao (mã số 104) là tổng doanh thu phát sinh từ các hoạt động kinh doanh của các khách sạn, căn hộ du lịch, biệt thự du lịch 2 sao trên địa bàn tỉnh/thành phố trong kỳ báo cáo.
- Tàu thủy lưu trú du lịch 2 sao (mã số 105) là tổng doanh thu phát sinh từ các hoạt động kinh doanh của các tàu thủy lưu trú du lịch 2 sao trên địa bàn tỉnh/thành phố trong kỳ báo cáo.

- Khách sạn, căn hộ du lịch, biệt thự du lịch 1 sao (mã số 106) là tổng doanh thu phát sinh từ các hoạt động kinh doanh của các khách sạn, căn hộ du lịch, biệt thự du lịch 1 sao trên địa bàn tỉnh/thành phố trong kỳ báo cáo.
- Tàu thủy lưu trú du lịch 1 sao (mã số 107) là tổng doanh thu phát sinh từ các hoạt động kinh doanh của các tàu thủy lưu trú du lịch 1 sao trên địa bàn tỉnh/thành phố trong kỳ báo cáo.
- Khách sạn, căn hộ du lịch, biệt thự du lịch, tàu thủy lưu trú du lịch đủ điều kiện kinh doanh (mã số 108) là tổng doanh thu phát sinh từ các hoạt động kinh doanh của các khách sạn, căn hộ du lịch, biệt thự du lịch, tàu thủy lưu trú du lịch đủ điều kiện kinh doanh trên địa bàn tỉnh/thành phố trong kỳ báo cáo.
- Khách sạn, căn hộ du lịch, biệt thự du lịch, tàu thủy lưu trú du lịch chưa kiểm tra điều kiện hoặc chưa đủ điều kiện kinh doanh (mã số 109) là tổng doanh thu phát sinh từ các hoạt động kinh doanh của các khách sạn, căn hộ du lịch, biệt thự du lịch, tàu thủy lưu trú du lịch chưa kiểm tra điều kiện hoặc chưa đủ điều kiện kinh doanh trên địa bàn tỉnh/thành phố trong kỳ báo cáo.
- Nhà nghỉ du lịch và nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê đủ điều kiện kinh doanh (mã số 110) là tổng doanh thu phát sinh từ các hoạt động kinh doanh của các nhà nghỉ du lịch và nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê đủ điều kiện kinh doanh trên địa bàn tỉnh/thành phố trong kỳ báo cáo.
- Nhà nghỉ du lịch và nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê chưa kiểm tra điều kiện hoặc chưa đủ điều kiện kinh doanh (mã số 111) là tổng doanh thu phát sinh từ các hoạt động kinh doanh của các nhà nghỉ du lịch và nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê chưa kiểm tra điều kiện hoặc chưa đủ điều kiện kinh doanh trên địa bàn tỉnh/thành phố trong kỳ báo cáo.
- Bãi cắm trại du lịch đủ điều kiện kinh doanh (mã số 112) là tổng doanh thu phát sinh từ các hoạt động kinh doanh của các bãi cắm trại du lịch đủ điều kiện kinh doanh trên địa bàn tỉnh/thành phố trong kỳ báo cáo.
- Bãi cắm trại du lịch chưa kiểm tra điều kiện hoặc chưa đủ điều kiện kinh doanh (mã số 113) là tổng doanh thu phát sinh từ các hoạt động kinh doanh của các bãi cắm trại du lịch chưa kiểm tra điều kiện hoặc chưa đủ điều kiện kinh doanh trên địa bàn tỉnh/thành phố trong kỳ báo cáo.
- Khác (mã số 114) là tổng doanh thu phát sinh từ các hoạt động kinh doanh của các loại cơ sở lưu trú du lịch khác không thuộc nhóm mã số từ 98 đến 113 trên địa bàn tỉnh/thành phố trong kỳ báo cáo.

Chỉ tiêu 8: Tổng số lao động tại các cơ sở lưu trú du lịch.

- Tổng số lao động (mã số 115): Là tổng số lao động do các cơ sở lưu trú du lịch trên địa bàn tỉnh/thành phố trực tiếp quản lý sử dụng trong kỳ báo cáo, có hợp đồng lao động và trả lương hàng tháng.

* Các chỉ tiêu có mã số từ 116 đến 132 là tổng số lao động tại các cơ sở lưu trú du lịch trong kỳ báo cáo trên địa bàn tỉnh/thành phố phân theo loại, hạng cơ sở lưu trú du lịch như giải thích tại mã số 98 đến mã số 114.

2. Cách ghi biểu

a) Phạm vi thu thập số liệu: Thống kê hoạt động kinh doanh dịch vụ lưu trú du lịch.

b) Thời kỳ thu thập số liệu:

- Theo quý: Số liệu tính từ ngày 01 tháng đầu tiên của quý báo cáo cho đến hết ngày cuối cùng của tháng thứ ba của quý báo cáo.

- Theo năm: Số liệu tính từ 01/01 đến 31/12 của năm báo cáo.

c) Cách ghi biểu

- Các cột:

Cột A: Chỉ tiêu.

Cột B: Đơn vị tính.

Cột C: Mã số.

Cột 1: Số thực hiện kỳ báo cáo (quý, năm);

Cột 2: So với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ % thay đổi của kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước).

- Các dòng: Ghi số thực hiện tương ứng với các chỉ tiêu tại cột A (chỉ thống kê số liệu đối với các dòng có mã số).

3. Nguồn số liệu: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Du lịch.